TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH SƠN** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 28/11/2018
V/v Tranh chấp ly hôn, con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH SƠN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Việt Giang

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hà Đình Sở.

2. Ông Hoàng Ngọc Ánh.

Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Ngọc Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên toà: Bà Đỗ Thị Minh Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 199/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2018 về việc "*Tranh chấp Ly hôn, con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 63/2018/QĐST-DS ngày 19 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Văn L**, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Khu 3, xã G L, huyện M, tỉnh Phú Thọ

(Anh L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Chị **Phùng Thị Lan A**, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Khu 3, xã G L, huyện M, tỉnh Phú Thọ.

Chỗ ở hiện nay: Xóm Đ L, xã T K, huyện M, tỉnh Phú Thọ.

(Chị A vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 11/10/2018 nguyên đơn anh Nguyễn Văn L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh L kết hôn với chị Phùng Thị Lan A năm 2003, có đăng ký kết hôn tại UBND xã G L, huyện M, tỉnh Phú Thọ. Sau thời gian kết hôn vợ chồng chung sống cùng với gia đình anh L tại xã G L, tình cảm vợ chồng thời gian đầu hòa thuận hạnh phúc. Đến năm 2012 mâu thuẫn vợ chồng nảy sinh, nguyên nhân là vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống dẫn đến cãi nhau, xúc phạm nhau, chị A bỏ về sống cùng ông nội tại xóm Đ L, xã T K. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2012 đến nay không ai còn hỏi han quan tâm đến nhau. Nay anh L xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn chị A để giải phóng cho nhau, ổn định cuộc sống.

Về con chung: Anh L trình bày vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Trung H, sinh ngày 08/01/2004 và cháu Nguyễn Phương T, sinh ngày 15/12/2008, hiện cháu H đang ở với anh L từ khi vợ chồng sống ly thân, cháu T đã mất do tai nạn giao thông. Ly hôn anh L đề nghị xin được nuôi cháu H đến lúc thành niên, anh tự nguyện không yêu cầu chị A cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung; nợ chung; công sức đóng góp: Anh L trình bày vợ chồng không có, ly hôn anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Phía bị đơn, chị Phùng Thị Lan A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tham gia phiên tòa. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã lấy lời khai của ông nội chị A. Tại biên bản lấy lời khai ngày 15/10/2018 của ông Phùng Văn H là ông nội chị A xác định: Năm 2003 chị A có kết hôn với anh L, đăng ký kết hôn tại UBND xã G L, huyện M. Trong cuộc sống chung vợ chồng giữa chị A và anh L có mâu thuẫn phát sinh, nguyên nhân vợ chồng bất đồng quan điểm dẫn đến cãi nhau, vợ chồng sống không hạnh phúc, hiện tại vợ chồng sống ly thân không còn chung sống cùng nhau, chị A đã dọn về nhà ở cùng với ông, vì mẹ chị A đã mất, bố chị A đi lấy vợ khác. Về con chung: Ông H xác định chị A và anh L có hai con chung là cháu Nguyễn Trung H, sinh năm 2004 và cháu Nguyễn Thị Phương T, sinh năm 2008, hiện cháu H đang ở với anh L từ khi vợ chồng sống ly thân, cháu T đã mất. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp ông H trình bày chị A và anh L không có. Hiện nay chị A đi làm ăn xa, ông H cũng không biết địa chỉ cụ thể nhưng chị A vẫn thỉnh thoảng về nhà chơi và gọi điện về cho ông. Gia đình có nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, có thông báo đến chị A nhưng chị bảo với ông công việc bận và ở xa nên không về tòa án giải quyết được, chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn vắng mặt chị.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát:

Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật, không có vi phạm gì. Các đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn L, xử cho anh L được ly hôn chị Phùng Thị Lan A.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trung H, sinh ngày 08/01/2004 cho anh L được trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu thành niên. Anh L tự nguyện không yêu cầu chị A cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Anh L trình bày không có nên không xem xét.

Về án phí: Anh L phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 03/10/2018 anh Nguyễn Văn L nộp đơn khởi kiện về việc ly hôn đối với chị Phùng Thị Lan A, được Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28; Điều 35; Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Về sự vắng mặt của các đương sự, nguyên đơn anh Nguyễn Văn L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 05/11/2018. Bị đơn chị Phùng Thị Lan A được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh L, chị A là phù hợp quy định tại Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh L và chị Anh kết hôn năm 2003, đăng ký kết hôn tại UBND xã G L, huyện M, tỉnh Phú Thọ, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh L và chị A chung sống hòa thuận hạnh phúc một thời gian, sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung trong cuộc sống dẫn đến cãi nhau, vợ chồng sống ly thân một thời gian dài không còn quan tâm đến nhau. Bản thân chị A không đến Tòa án

để làm việc nên không có quan điểm gì về việc ly hôn. Qua kết quả lấy lời khai của ông H thấy phù hợp với lời trình bày của anh L, có căn cứ khẳng định anh L và chị A không còn chung sống với nhau một thời gian dài, giữa hai vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm đến nhau, tình trạng hôn nhân của anh L và chị A đã đến mức trầm trọng, không thể khắc phục được, đời sống chung thực tế đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh L đối với chị A là phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Anh L và chị A có 02 con chung là cháu Nguyễn Trung H, sinh ngày 08/01/2004 và cháu Nguyễn Phương T, sinh ngày 15/12/2008, hiện cháu H đang ở với anh L từ khi vợ chồng sống ly thân, cháu T đã mất do tai nạn giao thông. Ly hôn anh L đề nghị xin được nuôi cháu H đến khi thành niên, anh tự nguyện không yêu cầu chị A cấp dưỡng nuôi con chung. Chị A vắng mặt nên không có quan điểm gì về con chung. Hội đồng xét xử thấy rằng, từ khi ly thân đến nay cháu H ở với anh L được anh nuôi dưỡng ăn học đầy đủ, tại biên bản lấy lời khai thì nguyện vọng của cháu H xin được ở với anh L. Tại biên bản lấy lời khai của ông H cung cấp thì chị A thường xuyên đi làm ăn xa nhà, thỉnh thoảng mới về nhà. Vì vậy Hội đồng xét xử thấy rằng cần giao cháu H cho anh L được tiếp tục nuôi dưỡng đến khi thành niên là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân gia đình. Chị A không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì anh L tự nguyện không yêu cầu.

[4] Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Anh L trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên cần được chấp nhận.

[6] Về án phí: Anh L phải nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[7] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Văn L đối với chị Phùng Thị Lan A. Xử cho anh Nguyễn Văn L được ly hôn chị Phùng Thị Lan A.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trung H, sinh ngày 08/01/2004 cho anh Nguyễn Văn L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ tháng 11 năm 2018 đến khi cháu thành niên. Chị A không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì anh L tự nguyện không yêu cầu.

Sau khi ly hôn chị Anh không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Văn L phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc Hôn nhân và gia đình. Xác nhận anh L đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số AA/2018/0001495 ngày 03/10/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Sơn. Nay chuyển thành án phí.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở UBND xã, phường nơi các đương sự thường trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyện; Tỉnh;*
- *Cơ quan THADS huyện;*
- *UBND Giáp Lai;*
- *Lưu VT, Hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đinh Việt Giang